

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **06** /2026/TT-BD TTG

Hà Nội, ngày **18** tháng **9** năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo
trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công,
đầu tư xây dựng và chuyển đổi số**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 297/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Thông tư quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số;

b) Nội dung về thẩm quyền quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị dự toán ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ và các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc phân cấp thẩm quyền quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

Việc phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng trong quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số phải bảo đảm tuân thủ các quy định về phân cấp tại Luật Tổ chức Chính phủ và các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, toàn diện trong lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

2. Bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục khi quyết định các nội dung về quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số; phù hợp với mô hình tổ chức, tính chất hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

3. Bảo đảm phù hợp với khả năng thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, đáp ứng mục tiêu đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt khâu trung gian, giảm thiểu các chi phí tổ chức thực hiện, phát huy trách nhiệm, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường tính chủ động và linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ.

4. Bảo đảm tính kịp thời, đáp ứng yêu cầu công tác tham mưu của các Vụ, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

5. Tổ chức đã được phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH, TÀI SẢN CÔNG, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quản lý ngân sách

1. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ như sau:

a) Các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ giao đơn vị thực hiện có dự toán kinh phí dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ;

b) Văn phòng Bộ phê duyệt dự toán kinh phí dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện chi ngân sách qua Văn phòng Bộ trên cơ sở kế hoạch nhiệm vụ do các đơn vị xây dựng và được Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ; kinh phí thực hiện nhiệm vụ cần thiết khác:

a) Các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí đối với nhiệm vụ có dự toán kinh phí dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ;

b) Văn phòng Bộ phê duyệt dự kiến kinh phí dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện chi ngân sách qua Văn phòng Bộ trên cơ sở chủ trương do các đơn vị xây dựng và được Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý đầu tư xây dựng

Các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ có thẩm quyền:

1. Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng do đơn vị mình quản lý có tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ sử dụng vốn chi thường xuyên.

2. Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn chi thường xuyên có tổng mức đầu tư không quá 20 tỷ đồng/dự án.

3. Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án đối với dự án nhóm B và nhóm C sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý chuyển đổi số

Các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ có thẩm quyền:

1. Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; nhiệm vụ cần thiết khác phục vụ hoạt động chuyển đổi số của đơn vị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

3. Phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư chuyển đổi số do đơn vị mình làm chủ đầu tư.

4. Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án đối với dự án nhóm B và nhóm C sử dụng vốn đầu tư công và vốn chi thường xuyên.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước

Văn phòng Bộ, Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi, Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục Chiến lược và Chính sách dân tộc có thẩm quyền đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý:

1. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng theo quy định tại Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng tài sản công cho cán bộ, công chức và đối tượng khác.

3. Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác chức danh quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-

TTg ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ) hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

4. Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội trường, phòng họp; máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

5. Quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường số; máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg).

6. Quyết định xử lý tài sản công:

a) Thu hồi tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc);

b) Điều chuyển tài sản công sang đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ (trừ trụ sở làm việc);

c) Bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản cố định có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc);

d) Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là tài sản cố định có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc).

7. Quyết định khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (nhà ăn, căn tin; nhà/bãi để xe; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động; vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông, trạm sạc điện phương tiện giao thông; vị trí lắp đặt màn hình LED, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền).

8. Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao đã xác định đơn vị là chủ thể tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản.

9. Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công (trừ trường hợp Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã quy định hoặc trình cấp có thẩm quyền quy định).

10. Quyết định xử lý, phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc bán đối với vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án.

Văn phòng Bộ, Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi, Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục Chiến lược và Chính sách dân tộc thực hiện thẩm quyền được phân cấp tại Điều này theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Các đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý:

1. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng theo quy định tại Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng tài sản công theo quy định.

3. Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác chức danh quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg) hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

4. Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội trường, phòng họp; máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

5. Quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường số; máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg).

6. Quyết định xử lý tài sản công:

a) Thu hồi tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp);

b) Điều chuyển tài sản công sang đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ; Không thực hiện điều chuyển đối với tài sản công đang trong thời hạn thực hiện cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng quy định của pháp luật;

c) Bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp);

d) Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

7. Quyết định khai thác tài sản công.

8. Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

9. Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao đã xác định đơn vị là chủ thể tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản.

10. Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công (trừ trường hợp Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã quy định hoặc trình cấp có thẩm quyền quy định).

11. Quyết định xử lý, phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc bán đối với vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án.

Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thẩm quyền được phân cấp tại Điều này theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG THỰC HIỆN PHÂN CẤP VÀ TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong thực hiện phân cấp

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Giúp Bộ trưởng theo dõi, xây dựng Kế hoạch kiểm tra, tổ chức thực hiện kiểm tra việc thực hiện các nội dung được phân cấp của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ;

b) Thẩm định dự toán kinh phí các nội dung nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng;

c) Tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung hoặc tạm dừng quy định về phân cấp bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật và yêu cầu công tác quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số;

d) Định kỳ hằng năm (trước ngày 01/3 năm sau liền kề) hoặc đột xuất, tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp quy định tại Thông tư này của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ;

đ) Tổ chức tập huấn để cập nhật, nâng cao chất lượng chuyên môn cho công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số;

e) Hướng dẫn các đơn vị trong trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại Thông tư này.

2. Các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc, trực thuộc Bộ

a) Thực hiện thẩm quyền về quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số được phân cấp tại Thông tư này theo đúng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục của pháp luật và của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật đối với việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp;

b) Sau khi ban hành các văn bản, quyết định về quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số theo thẩm quyền được phân cấp tại Thông tư này, các đơn vị có trách nhiệm gửi Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách, Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi, quản lý;

c) Tự kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo đúng quy định;

d) Định kỳ hằng năm (chậm nhất vào ngày 15/02 năm sau liền kề) hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp;

đ) Đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp cho phù hợp quy định của pháp luật, yêu cầu công tác của đơn vị;

e) Thực hiện mua sắm, sử dụng tài sản công tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cấp có thẩm quyền ban hành; thực hiện kiểm kê, hạch toán, thống kê, báo cáo, đăng ký, kê khai tài sản công theo đúng các quy định hiện hành, bảo đảm không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí.

Thủ trưởng các đơn vị được phân cấp chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng và trước pháp luật đối với việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp của đơn vị.

Điều 9. Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp

1. Nguyên tắc kiểm tra

a) Bảo đảm không chồng chéo về nội dung, đối tượng, thời kỳ kiểm tra giữa các đơn vị và không chồng chéo với các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch thanh tra, kiểm tra, kiểm toán;

b) Bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan, công khai và minh bạch; đúng trình tự, nội dung, thời gian theo quy định;

c) Việc kiểm tra phải tuân thủ quy định, trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật và không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và chuyển đổi số tại các đơn vị được phân cấp theo quy định tại Thông tư này.

3. Phương thức kiểm tra

a) Phương thức tự kiểm tra: Các đơn vị được phân cấp theo quy định tại Thông tư tự kiểm tra việc thực hiện các nội dung tại khoản 2 Điều này;

b) Phương thức kiểm tra định kỳ, đột xuất: Vụ Kế hoạch - Tài chính thực hiện kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều này theo kế hoạch được Lãnh đạo Bộ phê duyệt hoặc khi có dấu hiệu vi phạm.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Các nhiệm vụ, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quyết định đã ban hành. Việc thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm cả trường hợp điều chỉnh) áp dụng các quy định về thẩm quyền tại Thông tư này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm phản ánh về Bộ Dân tộc và Tôn giáo (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Các Thứ trưởng, các Vụ, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Cục KTrVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo điện tử;
- Cổng TTĐT Bộ DTTG;
- Lưu: VT, KHTC (08b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Y Vinh Tor